TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 129/2025/DS-ST
Ngày 21 - 5- 2025
V/v tranh hợp đồng hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM D, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai

C Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Thanh Phong

Bà Nguyễn Kim Kết

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Diễm My là thư ký Toà án nhân dân huyện Đầm D.

Ngày 21 tháng 5 N 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đầm D xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2025/TLST-DS ngày 01 tháng 4 N 2025 về việc "tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 4 N 2025 giữa C đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Hồ Văn L, sinh N 1964; địa chỉ cư trú: Ấp Tr C, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

1.2. Bà Lê Thị N, sinh N 1966; địa chỉ cư trú: Ấp Tr C, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Chị Hồ Thị Kiều Tr, sinh N 1989; Địa chỉ: Ấp Tr C, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau. Là người đại diện theo uỷ quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 19/3/2025). (có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Bà Đặng Thị X; địa chỉ cư trú: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

2.2. Ông Đinh Ngọc C, sinh N 1960; Địa chỉ: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Đinh Ngọc Tr, sinh N 1988; địa chỉ cư trú: Ấp Thành V, xã Tân Tr, huyện Đầm D, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Chị Tr trình bày:*

Ông L và bà N có tham gia hụi do ông C và bà X làm chủ, cụ thể như sau:

- Dây hụi thứ nhất: Mở ngày 10/02/2021 (al), loại hụi 1.000.000 đồng, có 43 phần, mỗi tháng khui 1 lần, ông L và bà N tham gia 1 phần, góp hụi đến mãn nhưng ông C và bà X không chung hụi, số tiền được hưởng là 42.000.000 đồng.

- Dây hụi thứ hai: Mở ngày 15/01/2023, loại hụi 1.000.000 đồng, có 25 phần, mỗi tháng khui 1 lần, ông L và bà N tham gia 1 phần, ông L và bà N đã hốt hụi nhưng ông C và bà X chung hụi còn thiếu 3.000.000 đồng.

Ngoài ra, vào ngày 27/3/2024 ông C và bà X có hỏi vay 25.000.000 đồng, ngày 27/4/2024 tiếp tục hỏi vay thêm 30.000.000 đồng. Lãi suất C bên có thoả thuận nhưng từ khi vay đến nay ông C và bà X chỉ trả được 500.000 đồng tiền lãi, vốn chưa thanh toán.

Nay ông L và bà N yêu cầu ông C và bà X trả số tiền hụi và vay là 100.000.000 đồng.

** Ông C trình bày*:

Ông thừa nhận ông L và bà N có tham gia C dây hụi nêu trên là đúng. Về số tiền hụi còn nợ ông không xác định được do việc giao dịch hụi trước đây do vợ ông là bà X trực tiếp đứng ra giao dịch với C hụi viên. Đối với số tiền vay ông cũng không biết bà X và con ông là anh Tr hỏi vay thời điểm nào, số tiền vay bao nhiêu ông cũng không biết. Hiện nay bà X và anh Tr đi làm ăn xa, ông không còn liên lạc được. Tuy nhiên, qua yêu cầu khởi kiện của ông L và bà N, ông đồng ý cùng vợ ông là bà X trả cho số tiền hụi và tiền vay là 100.000.000 đồng.

** Đối với bị đơn bà Đặng Thị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Đinh Ngọc Tr:* Đã được Toà án tống đạt hợp lệ C văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của ông L và bà N, nhưng không có ý kiến gì đối với nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không tham gia hoà giải, xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị X và anh Đinh Ngọc Tr đã được Toà án Tr tập tham gia phiên toà lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt C đương sự là phù hợp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Ông L và bà N khởi kiện yêu cầu ông C và bà X trả số tiền hụi còn nợ 45.000.000 đồng. Thấy rằng, việc bà N và ông L cho rằng bà có tham gia hụi do ông C và bà X làm chủ và số tiền nợ hụi còn nợ là có cơ sở, được ông C thừa nhận nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Đối với số tiền vay, theo giấy vay tiền ngày 27/3/2024 thể hiện bà X có hỏi vay của ông L và bà N số tiền 55.000.000 đồng, ông C xác định không hay biết việc bà X và anh Tr vay tiền của ông L và bà N nhưng đồng ý cùng với bà X trả số tiền vay cho ông L và bà N. Mặt khác, bà X và anh Tr dù đã được tòa án tống đạt hợp lệ C văn bản tố tụng để biết được yêu cầu khởi kiện của bà N và ông L nhưng không có ý kiến, nên đây cũng được xem là tình tiết sự kiện không phải chứng

minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Về nghĩa vụ trả nợ: Ông L và và N yêu cầu ông C và bà X cùng có nghĩa vụ trả cho ông bà số tiền hụi và tiền vay còn nợ mà không yêu cầu anh Tr cùng có trách nhiệm trả số tiền vay, dù theo giấy vay tiền anh Tr có ký tên. Thấy rằng, đại diện nguyên đơn xác định anh Tr chỉ ký thay cho ông C do thời điểm vay tiền không có mặt ông C nên không yêu cầu anh Tr có nghĩa vụ cùng bà X trả số tiền vay. Xét thấy, đây là quyền tự định đoạt của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ C lập L nêu trên Hội đồng xét xử có có sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà bà N và ông L. Buộc ông C và bà X có nghĩa vụ trả cho ông L và bà N số tiền hụi và tiền vay là 100.000.000 đồng.

[3] Về án phí dân sự: Ông L và bà N không phải chịu do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận; bà X và ông C mỗi người phải chịu 2.500.000 đồng (100.000.000 đồng x 5% = 5.000.000 đồng); ông C có đơn xin miễn án phí, thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì C lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 92; Điều 147, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 471 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hồ Văn L và bà Lê Thị N. Buộc ông Đinh Ngọc C và bà Đặng Thị X trả cho ông L và bà N số tiền 100.000.000 đồng (một trăm Tr đồng).

Kể từ ngày ông L và bà N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông C và bà X chậm thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng ông C và bà X còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Về án phí dân sự: Ông Hồ Văn L và bà Lê Thị N không phải chịu, ông L và bà N đã nộp tạn ứng án phí số tiền 2.500.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002922 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D, được nhận lại. Bà Đặng Thị X phải chịu 2.500.000 đồng; ông Đinh Ngọc C được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại C Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đầm D;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm D;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)
Huỳnh Ngọc Mai